| | |
|---|---|
| **TAND HUYỆN YÊN THẾ**<br>**TỈNH BẮC GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh p** |

Bản án số: 32/2018/ DS-ST
Ngày 09/11/2018
V/v Tranh chấp hợp đ mua bán tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ**

***- Thành phần Hội đ xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Đinh Thị Vân Anh

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. **Phan Văn Chung.**

**2. Bà Nguyễn Thị Cương.**

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Lương Thị Hoa, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế tham gia phiên tòa***: Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2018/TLST-DS, ngày 14 tháng 6 năm 2018. Về tranh chấp hợp đ mua bán tài sản, theo quyết định hoãn phiên tòa số: 42/QĐST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự.

* Nguyên đơn: Ông Dương Văn Đ, sinh năm 1955 (có mặt)

Địa chỉ: Phố T Q, thị trấn Nh N, huyện T Y, tỉnh Bắc Giang.

* Đồng bị đơn:

1. Ông Đỗ Duy P, sinh năm 1952 (Vắng mặt).

2. Bà Nông Thị T, sinh năm 1957 ( vắng mặt)

Đều ở địa chỉ: Bản Th C, xã T T, huyện Y Th, tỉnh Bắc Giang.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Đoàn Thị P, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: Phố T Q, thị trấn Nh N, huyện T Y, tỉnh Bắc Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện và trong bản tự khai của ông Dương Văn Đ trình bầy: Gia đình ông có cửa hàng kinh doanh thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm trong thời gian từ ngày 17/5/2009 đến ngày 12/9/2017 vợ ch ông P, bà T có mua cám của gia

đình ông về để chăn nuôi lợn, gà, khi mua hai bên thỏa thuận đ trả, đ chịu, vợ ch ông P, bà T đã mua cám của ông đến tháng 9/2017 thì hai bên không mua bán cám nữa. Đến ngày 03/11/2017 (âm lịch) tức ngày 20/12/2017 hai bên đã chốt sổ, ông P, bà T còn nợ lại số tiền là 1.250.221.000đ (một tỷ hai trăm năm mươi triệu hai trăm hai mươi mốt nghìn đ). Đến ngày 22/12/2017 ông P, bà T vay tiếp của ông Đ, bà P số tiền 302.000đ (ba trăm linh hai triệu đ) để chuộc sổ đỏ thế chấp ở Ngân hàng chi nhánh Mỏ trạng Yên Thế. Tổng số tiền cám và tiền vay ông P, bà T còn nợ ông Đ bà P là 1.552.221.000đ. (một tỷ năm trăm năm mươi hai triệu hai trăm hai mươi mốt nghìn đ). Ông Đ đã nhiều lần đòi tiền nhưng ông P, bà T khất lần không trả. Nay ông làm đơn khởi kiện yêu cầu ông P, bà T trả số tiền mua cám còn nợ là 1.250.221.000đ (một tỷ hai trăm năm mươi triệu hai trăm hai mươi mốt nghìn đ). và trả tiền vay 302.000.000đ (ba trăm ba mươi bẩy triệu chín trăm hai mươi tư nghìn đ), và yêu cầu trả lãi theo lãi xuất 0,75%/1 tháng tính từ ngày 20-12-2017 đến khi thanh toán xong nợ. Chứng cứ ông Đ cung cấp các giấy giao cám, ký nhận cám, thanh toán tiền và giấy chốt sổ, ký nhận nợ.

* Tại bản khai của bà Đoàn Thị P trình bầy: Bà và ông Đ là quan hệ vợ ch việc bà T, ông P ở T T mua cám và vay tiền của vợ ch bà như ông Đ trình bầy là đúng, nay bà nhất trí với ý kiến của ông Đ ch bà yêu cầu bà T, ông P trả cả 2 khoản là 1.552.221.000đ. (một tỷ năm trăm năm mươi hai triệu hai trăm hai mươi mốt nghìn đ). và yêu cầu trả lãi theo lãi xuất 0,75%/1 tháng tính từ ngày 20-12-2017 đến khi thanh toán xong nợ.

* Tại bản khai của ông Đỗ Duy P trình bầy: Việc ông Đ bà P kiện vợ ch ông về việc mua cám còn nợ số tiền là 1.250.221.000đ tiền cám và vay 302.000.000đ để trả Ngân hàng Mỏ trạng về số tiền 302.000.000đ (ba trăm linh hai triệu đ vay để trả Ngân hàng mỏ trạng là đúng . Ngày 22/ 12/2017 vợ ch ông có được vay của ông Đ và bà P 302.000.000đ để trả Ngân hàng Mỏ Trạng đến nay vợ ch ông chưa có tiền trả cho ông Đ, bà P số tiền 302.000.000đ (ba trăm linh hai triệu đ), nay ông Đ, bà P kiện đòi số tiền đã vay vợ ch ông nhất trí trả nhưng do điều kiện khó khăn ông xin trả dần. Còn số tiền mua cám 1.250.221.000đ ông Đ, bà P kiện đòi. Ông thừa nhận vợ ch ông có mua cám của ông Đ, bà P về để một phần chăn nuôi, một phần, một phần lấy hộ con cái và người nhà cũng có một phần đem bán lại cho các hộ dân trong bản để lấy vài đ chênh lệch, việc bán cám do vợ ch ông tự bán, ông Đ, bà P không biết, vợ ch ông cũng không có giấy đăng ký kinh doanh do tự phát. Thời gian mua cám thì ông không nhớ, chỉ nhớ là có nợ ông Đ tiền mua cám nhưng số nợ cụ thể thì bà T mới nắm được ông không biết. Hiện nay bà T đang đi làm thuê ở

Hà Nội không có ở nhà bà T đi làm thỉnh thoảng có về thăm nhà tháng 9 vừa rồi bà T có về nhà thăm nhà ông đã nói lại cho bà T biết về việc bị ông Đ, bà P kiện đòi tiền mua cám và tiền vay quan điểm của bà T xác định là có nợ tiền ông Đ, bà P nhưng do chăn nuôi thua lỗ nên chưa trả được và xin trả dần. Địa chỉ cụ thể của bà T thì ông không nắm được, Ông Đ có cung cấp chứng cứ là giấy ký thanh toán tiền và nhận nợ ghi Đỗ Duy P đó không phải chữ ký của ông nhưng ông không yêu cầu giám định chữ ký, đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Ông P, bà T không có bất cứ tài liệu chứng cứ gì cung cấp.

Sau khi thụ lý Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà T đến làm việc nhưng bà T không đến. Tòa án đã giao các vản bản tố tụng cho ông P có trách nhiệm giao cho bà T, ông P cam kết đã giao và thông báo cho bà T, Tòa án đã niêm yết các văn bản nhưng bà T không đến làm việc.

Qua xác minh tại địa phương xã T T cho biết bà T có hộ khẩu thường trú tại bản Th C, T T, Y Th, Do kinh tế khó khăn bà T đã đi làm ăn được một thời gian, nhưng đi làm ở đâu địa phương không nắm được bà T đi làm thỉnh thoảng vẫn về nhà.

* Tại phiên tòa Đại diện Viểm kiểm sát phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của HĐXX tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật.

Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, không đến tham gia phiên hòa giải, công khai chứng cứ, không đến phiên tòa xét xử.

*** Về đường lối giải quyết vụ án**. Buộc ông P, bà T có trách nhiệm trả ông Đ bà P số tiền mua cám còn nợ 1.250.221.000đ (một tỷ hai trăm năm mươi triệu hai trăm hai mươi mốt nghìn đ) và trả lãi theo lãi xuất 0,75%/1 tháng tính từ ngày 20/12/2017 đến ngày 9/11/2018 là 100.017.000đ. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đ bà P đòi ông P, bà T số tiền vay 302.000.000đ do chỉ có ông P thừa nhận, bà T không có nhà, việc vay mượn chỉ thỏa thuận miệng không có giấy tờ do chưa đủ cơ sở vững chắc ông Đ, abf P nhất trí tách ra để giải quyết bằng vụ kiện khác.

Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà P được chấp nhận nên không phải chịu tiền án phí. Ông P thuộc đối tượng người cao tuôit, bà T là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế đặcbiệt khó khăn thuộc đối tượng được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên toà.

Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đ xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:**

Ông Đ khởi kiện đòi tiền ông P, bà T mua cám còn nợ và tiền ông P bà T vay chưa trả xác định quan hệ tranh chấp là hợp đ mua bán tài sản và hợp đ vay tài sản; bị đơn có hộ khẩu và nơi thường trú ở địa chỉ: Bản Thị Cùng, xã Tam Tiến, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ khoản 3 Điều 26 điều 35; Điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Về chấp hành pháp luật: Ông P, bà T được triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia phiên công khai chứng cứ, hòa giải; vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất mở vào ngày 22/10/2018; tại phiên tòa ngày hôm nay vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 điều 207; điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt bà T, ông P.

**[2] Về nội dung:**

Ông Đ, bà P khởi kiện ông P bà T đối với hai 2 khoản tiền; khoản tiền thứ nhất là tiền vay 302.000.000đ ngày 22/12/2017 để trả vào khoản vay của bà T tại phòng giao dịch Ngân hàng Mỏ Trạng, huyện Yên Thế đối với khoản tiền vay do tin tưởng ông P, bà T hứa trả tiền vào Ngân hàng để lấy sổ đỏ đang thế chấp tại Ngân hàng ra làm thủ tục sang tên đất cho ông Đ, bà P nên hai bên không làm giấy tờ vay mượn, nay chỉ có mình ông P thừa nhận được vay tiền, phía bà T không có mặt ở địa phương nên không lấy lời khai của bà T chưa đủ cơ sở vững chắc buộc bà T, ông p trả khoản tiền vay 302.000.000đ của bà P, ông Đ. Tại phiên tòa bà P, ông Đ nhất trí tách khoản tiền 302.000.000đ ra để giải quyết bằng vụ kiện khác khi có yêu cầu.

Đối với yêu cầu khởi kiện đòi ông P, bà T nợ số tiền mua cám là 1.250.221.000đ (một tỷ hai trăm năm mươi triệu hai trăm hai mươi mốt nghìn đ); Chứng cứ, tài liệu ông Đ, bà P đưa ra cho yêu cầu khởi kiện là các bản kê giao cám và thanh toán tiền có chữ ký của ông P, bà T từ năm 2009 đến ngày 03/11/2017 âm lịch ( tức ngày 20/12/2017 dương lịch); Bị đơn ông P lúc khai có mua cám và nợ tiền nhưng không biết số tiền nợ là bao nhiêu, lúc lại khai chữ ký trong các giấy tờ ông Đ cung cấp không phải chữ ký của ông nhưng ông P không yêu cầu giám định và cũng không đưa ra được bất cứ tài liệu chứng cứ gì chứng minh việc đã thanh toán trả hết tiền cám cho ông Đ, bà P; Bị đơn bà T đã được thông báo về việc khởi kiện nhưng không có ý kiến gì và cũng không đến làm việc. Căn cứ vào các tài liệu

chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của ông P có đủ cơ sở chắc chắn khẳng định ông P, bà T mua cám và còn nợ ông Đ, bà P số tiền là 1.250.221.000đ đến là có thật do đó cần buộc ông P, bà T có trách nhiệm trả ông Đ, bà P số tiền mua cám còn nợ gốc là 1.250.221.000đ. Về tiền lãi bà P, ông Đ yêu cầu bà T, ông P phải trả lãi theo lãi xuất 0,75 %/1 tháng tính từ ngày 20/ 12/ 2017 đến ngày 9/11/2018 là 10 tháng 20 ngày thành tiền lãi là 100.017.000đ. Xét thấy yêu cầu tính lãi của bà P, ông Đ không vượt quá quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Tổng cộng buộc ông P, bà T trả ông Đ, bà P số tiền là 1.350.231.000đ. (một tỷ ba trăm năm mươi triệu hai hai trăm ba mươi mốt nghìn đ). Về tiền lãi chậm trả giai đoạn thi hành án. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án. Việc mua bán cám các con ông P, bà T là Đỗ Duy Th  đã có vợ và ăn ở riêng, Đỗ Duy Từ chưa có vợ và đi làm ăn không có nhà nên không biết.

Do yêu cầu của ông Đ, bà P được chấp nhận nên không phải chịu tiền án phí.

Ông P là người cao tuổi bà T là người dân tộc tiểu số sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn thuộc đối tượng được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

## QUYẾT ĐỊNH

**1. Về Điều luật**: Áp dụng Khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 207; Điểm b, khoản 2, điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 430; Điều 440; 453; Điều 468; Điều 688 của Bộ luật dân sự; Điểm đ, Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**2. Về nội dung:** Xử buộc ông Đỗ Duy P và bà Nông Thị T có trách nhiệm trả cho ông Dương Văn Đ, bà Đoàn Thị P số tiền mua cám còn nợ là 1.250.221.000đ (một tỷ hai trăm năm mươi triệu hai trăm hai mươi mốt nghìn đ): Tiền lãi là 100.017.000đ (một trăm triệu không trăm mười bẩy nghìn đ)

Tổng cả gốc và lãi là 1.350.231.000đ. (một tỷ ba trăm năm mươi triệu hai hai trăm ba mươi mốt nghìn đ).

**3. Về lãi suất chậm trả ở giai đoạn thi hành án**:

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**4. Về tiền án phí:**

- Miễn tiền án phí cho ông Đỗ Duy P và bà Nông Thị T.

Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Báo cho đương sự vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt án vắng mặt. Hoặc niêm yết công khai bản án

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
-Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án ND tối cao
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**ĐINH THỊ VÂN ANH**